

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2020 cho Công ty
trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 95/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 12/STC-TCDN ngày 03/01/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh

quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2020 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai như sau:

I. Kế hoạch sản xuất năm 2020:

1. Tổng diện tích tưới năm 2020: 28.268,246 ha, gồm:

- Lúa, màu: 23.164,28 ha.
- Mía: 253,740 ha.
- Cây công nghiệp: 4.754,256 ha.
- Ao nuôi thủy sản: 95,97 ha.

2. Diện tích hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo biện pháp công trình: 27.926,916 ha, gồm:

- Lúa, màu: 23.164,28 ha.
- Mía: 253,740 ha.
- Cây công nghiệp: 4.412,926 ha
- Ao nuôi thủy sản: 95,97 ha.

II. Kế hoạch tài chính năm 2020:

1. Tổng doanh thu: 44.994 triệu đồng, gồm:

- Doanh thu quản lý khai thác: 34.894 triệu đồng.
- + Doanh thu phải thu: 5.764 triệu đồng.
- + Doanh thu hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 29.130 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động du lịch, thủy sản: 500 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác: 3.100 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động cấp nước, lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt: 1.700 triệu đồng.

2. Tổng kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 29.130 triệu đồng (Theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018).

3. Chi sửa chữa, bảo trì công trình: 5.500 triệu đồng, Trong đó:

- Từ khoản hỗ trợ kinh phí bảo trì của ngân sách địa phương: 4.800 triệu đồng;

- Từ nguồn thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác: 700 triệu đồng;

4. Kế hoạch hỗ trợ cấp bù 02 Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 2.460 triệu đồng (số kinh phí hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng phúc lợi sẽ căn cứ quyết toán năm, chỉ hỗ trợ thấp hơn hoặc tối đa bằng theo số kế hoạch)

5. Kế hoạch hỗ trợ kinh phí bảo trì: 4.800 triệu đồng (Theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 và số kinh phí hỗ trợ bảo trì sẽ căn cứ số thực tế phát sinh, đảm bảo đúng quy định, chỉ hỗ trợ thấp hơn hoặc tối đa bằng theo số kế hoạch)

Điều 2. Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý khai thác công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt được năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Ủy quyền cho Sở Tài chính thông báo dự toán thu, chi năm 2020 của tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo các chỉ tiêu kế hoạch và hướng dẫn cụ thể hóa các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong trường hợp có quy định khác về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì Sở Tài chính kịp thời tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định này cho phù hợp.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Th*

Nơi nhận: *Th*

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Kr CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Kpã Thuyên

**Biểu 1: GIAO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2020 CHO CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI**

(Kế hoạch được phê duyệt theo Quyết định số 17 /QĐ-UBND ngày 14 /01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
I	Tổng diện tích tưới	Ha	28.268,246	
1	Lúa, màu	ha	23.164,280	
a	Lúa	ha	20.750,777	
b	Màu và cây CN ngắn ngày	ha	2.413,503	
2	Cây công nghiệp (cà phê, tiêu, chè, Thanh long, vườn ươm, cỏ công nghiệp)	ha	4.754,256	
a	Cà phê	ha	4.496,76	
b	Chè	ha	71,084	
c	Tiêu	ha	33,41	
d	Cỏ Công nghiệp	ha	69,00	
e	Cây Thanh long	ha	73,00	
f	Vườn ươm	ha	11,00	
3	Tưới ĐL hỗ trợ cây mía	ha	253,740	
4	Ao nuôi trồng thủy sản	ha	95,970	
II	Diện tích hỗ trợ sử dụng SP, DV công ích thủy lợi	Ha	27.926,916	
1	Lúa, màu	ha	23.164,280	
a	Lúa	ha	20.750,78	
b	Màu và cây CN ngắn ngày	ha	2.413,503	
2	Cây công nghiệp (cà phê, tiêu, chè, chanh dây, vườn ươm, cỏ công nghiệp)	ha	4.412,926	
a	Cà phê	ha	4.308,432	
b	Chè	ha	71,084	
c	Tiêu	ha	33,41	
3	Tưới ĐL hỗ trợ cây mía	ha	253,74	
4	Ao nuôi trồng thủy sản	ha	95,97	
III	Diện tích phải thu sử dụng SP, DV công ích thủy lợi	Ha	341,33	

Biểu 2: DIỆN TÍCH TƯỚI THEO BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

1. Diện tích hỗ trợ sử dụng SP, DV công ích thủy lợi

TT	Tưới theo biện pháp công trình	Diện tích (ha)	Mức thu (đồng/ha)	Thành tiền (đồng)
1	Lúa, màu	23.164,28		24.772.725.464
a	Lúa	20.750,78		23.805.422.240
	- Tưới lúa bằng trọng lực kết hợp động lực	945,820	1.385.000	1.309.960.700
	- Tưới lúa bằng trọng lực	19.684,797	1.140.000	22.440.668.580
	- Tưới lúa tạo nguồn	120,16	456.000	54.792.960
		2.413,503		967.303.224
b	Màu	1.926,463	456.000	878.467.128
	- Tưới màu bằng trọng lực	487,04	182.400	88.836.096
	- Tưới màu tạo nguồn			
2	Cây công nghiệp (cà phê, tiêu, chè, chanh dây, vườn ươm, cỏ công nghiệp)	4.412,926		4.024.588.512
a	Cà phê	4.308,432	912.000	3.929.289.984
b	Chè	71,084	912.000	64.828.608
c	Tiêu	33,41	912.000	30.469.920
3	Tưới ĐL hỗ trợ cây mía	253,74		92.679.264
	- Tưới bằng tạo nguồn cây mía	84,16	182.400	15.350.784
	- Tưới bằng tự chảy cây mía	169,58	456.000	77.328.480
4	Ao nuôi trồng thủy sản	95,97	2.500.000	239.925.000
	Tổng cộng	27.926,916		29.129.918.240
	Làm tròn			29.130.000.000

2. Diện tích phải thu sử dụng SP, DV công ích thủy lợi

TT	Tưới theo biện pháp công trình	Diện tích (ha)	Mức thu (đồng/ha)	Thành tiền (đồng)
	Tổng cộng	341,3		311.292.960
1	- Cấp nước tưới cây Cà phê	188,33	912.000	171.756.960
2	- Cấp nước tưới cỏ công nghiệp	69,0	912.000	62.928.000
3	- Cấp nước tưới cây thanh long	73,0	912.000	66.576.000
4	- Cấp nước tưới vườn ươm	11,0	912.000	10.032.000



Biên 3. GIAO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2020 CHO CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI

Kèm theo Quyết định số 17 /QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Ghi chú
K/N	Tổng doanh thu	44.994	
I	Doanh thu quản lý khai thác	34.894	
a	Doanh thu hỗ trợ sử dụng SP, DV công ích thủy lợi	29.130	Theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018
b	Doanh thu phải thu	5.764	
2	Doanh thu hoạt động du lịch, thủy sản	500	
3	Doanh thu hoạt động tài chính và khác	3.100	
4	Doanh thu lắp đặt đồng hồ và cấp nước sinh hoạt	1.700	
5	Doanh thu từ khoản hỗ trợ kinh phí bảo trì	4.800	Theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018
II	Tổng kinh phí đề nghị Trung ương cấp bù hỗ trợ sử dụng SP, DV công ích thủy lợi	29.130	Theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018
III	Sửa chữa, bảo trì công trình thủy lợi từ kinh phí sử dụng SP, DV công ích thủy lợi, dịch vụ khác và nguồn hỗ trợ kinh phí bảo trì của Ngân sách địa phương.	5.500	Theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018
IV	Hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.460	Theo Quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 12 của Thông tư số 73/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính.
V	Hỗ trợ chi phí bảo trì	4.800	Theo Quy định tại Điều 18 của Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT)